

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2021/HS-ST  
Ngày 09-3-2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Đình Diệu

Ông Doãn Văn Sáng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Bùi Tuấn A, sinh năm 1993 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 9, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Minh Năng và bà: Hoàng Thị Hoàn; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đến ngày 20/5/2020 chấp hành xong; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ từ ngày 31/12/2020 chuyển biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 06/01/2021; có mặt.

**- Bị hại:**

Anh Đỗ Văn Thảo, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 4, xã X, huyện X, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Anh Trần Văn Dũng, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Tả Thượng, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Trần Văn Dương, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn 5, xã K, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Anh Bùi Ngọc Tân, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 7, xã K, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền ăn tiêu và mua ma túy sử dụng nên Tuấn A nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 13 giờ ngày 10/11/2020, trong lúc anh Dũng và anh Thảo đang ngủ, Tuấn A đã chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Iphone 6s Plus của Dũng đang cầm sạc tại cuối giường đặt sau chỗ ngồi của Tuấn A và 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15B2-640.12 của anh Thảo.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản, Tuấn A đã bán 01 chiếc điện thoại di động cho anh Trần Văn Dương, sinh năm 1983, trú tại thôn 5, xã K, huyện K với số tiền 1.500.000 đồng và vào quán Internet ở xã M chơi điện tử hết số tiền trên. Sau đó bị cáo liên hệ với Phạm Duy An, sinh năm 1994, trú tại thôn 6, xã C, huyện T đến nhà anh Bùi Ngọc Tân, sinh năm 1992, trú tại thôn 7, xã K, huyện K để nhờ cầm cố 01 chiếc mô tô biển kiểm soát 15B2-640.12 được 5.000.000 đồng. Sau đó Tuấn A và An đi xe taxi đến quán Internet ở Mỹ Đồng chơi điện tử. Đến khoảng 01 giờ ngày 13/11/2020, Tuấn A trở về nhà thì được lực lượng Công an mời lên trụ sở làm việc. Quá trình làm việc Tuấn A tự nguyện giao nộp số tiền cầm cố xe mô tô chưa tiêu hết là 2.660.000 đồng. Anh Trần Văn Dương mua điện thoại, Bùi Ngọc Tân cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 15B2-640.12 và Phạm Văn An đi cùng với Tuấn A để cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 15B2-640.12, những người này đều không biết đó là tài sản do Tuấn A trộm cắp có được.

Ngày 10/11/2020, Công an xã Kỳ Sơn nhận được đơn trình báo của anh Đỗ Văn Thảo và anh Trần Văn Dũng về việc khoảng 13 giờ ngày 10/11/2020, trong lúc anh Dũng và anh Thảo đang ngủ thì Bùi A (nhân viên làm việc tại quán Internet Huỳnh Đệ do anh Thảo làm chủ) lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Iphone 6s Plus của anh Dũng và 01 chiếc mô tô biển kiểm soát 15B2-640.12 của anh Thảo. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, A không quay lại quán.

Ngày 13/11/2020, Cơ quan Công an đã triệu tập A lên làm việc.

Sau khi làm việc với Cơ quan điều tra, Bùi A đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 31/12/2020, Bùi A bị bắt theo Lệnh truy nã. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo khai nhận hành vi của mình như trên.

Tại phiên tòa bị cáo Bùi A thừa nhận hành vi một mình lén lút chiếm đoạt 01 mô tô biển kiểm soát 15B2-640.12; 01 chiếc điện thoại Iphone 6s Plus là những tài sản hợp pháp của anh Đỗ Văn Thảo, anh Trần Văn Dũng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại cơ quan điều tra, anh Đỗ Văn Thảo và anh Trần Văn Dũng trình bày như nội dung nêu trên. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, các anh đã đến cơ quan công an trình báo. Hiện tại anh Thảo, anh Dũng đã nhận lại tài sản và không yêu cầu A bồi thường thiệt hại gì.

Tại Cơ quan điều tra anh Trần Văn Dương và Bùi Ngọc Tân trình bày: Việc mua điện thoại và cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 15B2-640.12 của A, các anh không biết đó là tài sản do A trộm cắp có được. Các anh đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s Plus và 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15B2-640.12 cho Cơ quan Công an. Anh Dương yêu cầu A phải trả lại cho anh số tiền 1.500.000 đồng dùng để mua điện thoại, anh Tân không yêu cầu A bồi thường số tiền đã cầm cố xe.

Kết luận định giá tài sản số 81/HĐĐGTS ngày 18/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 15B2-640.12 trị giá 25.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6s Plus không gắn sim trị giá 3.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng.

Vật chứng của vụ án gồm: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15B2-640.12 và điện thoại di động Iphone 6s plus. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định thuộc quyền sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Văn Thảo và anh Trần Văn Dũng nên đã trả lại cho anh Thảo, anh Dũng. Số tiền 2.660.000 đồng chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bà Kiểm sát viên và bị cáo đồng ý với nội dung kết luận định giá tài sản, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Bản Cáo trạng số 36/2021/CT-VKS ngày 05/02/ 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Bùi A về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS). Tại phiên phiên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi A từ 18 đến 24 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo. Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Văn Dương số tiền 1.500.000 đồng. Xử lý vật chứng và bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu tài sản, có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản gây thiệt hại tổng trị giá 28.000.000 đồng của bị hại đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Bùi A được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Các chứng cứ xác định bị cáo không có tội bị loại trừ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự xã hội. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu thộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên khi phạm tội bị cáo còn có 01 tiền sự thể hiện tại Quyết định số 166./QĐ-TA ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện T về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Bùi A và bị cáo chấp hành xong vào ngày 20/5/2020.

[4] Về hình phạt: Với phân tích trên, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với mức như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, nhưng bị cáo không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành nên không phạt tiền bị cáo.

[5] Về dân sự: Anh Đỗ Văn Thảo, anh Trần Văn Dũng đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì; anh Bùi Ngọc Tân không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã cầm cố xe nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Trần Văn Dương yêu cầu bị cáo Bùi A trả lại 1.500.000 đồng là tiền anh cầm cố điện thoại di động Iphone 6s plus cho nên cần buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 1.500.000 đồng cho anh Dương là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584; 585; 586; 589 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 2.660.000 đồng thu của bị cáo là số tiền còn lại do cầm cố chiếc xe mô tô; đây là số tiền do phạm tội mà có, vì vậy cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Trong vụ án này, đối tượng Phạm Duy An là người đi cùng A, Trần Văn Dương mua điện thoại Iphone 6s plus nhưng không được bàn bạc và không biết hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo nên Cơ quan điều tra không xử lý. Đối với Bùi Ngọc Tân cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 15B2-640.12 không có giấy tờ xe, Tân không có giấy phép kinh doanh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã đề xuất Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Tân. Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

[8] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bùi A 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo là ngày 31/12/2020.

Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 584; 585; 586; 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 1.500.000 đồng cho anh Trần Văn Dương.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.660.000 đồng là số tiền do phạm tội mà có (Biên lai thu tiền số 0000837 ngày 09/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Bùi A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- VKSND huyện T;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra công an huyện T;
- Cơ quan THAHSCA huyện T;
- Trại giam công an thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam công an huyện T;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Đường sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Vân**

